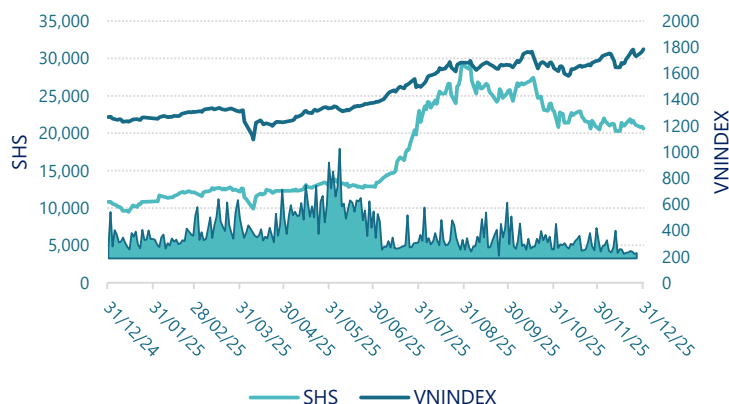


CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (HNX: SHS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,477
SL cổ phiếu LH	899,462,220
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,781,695
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,529
P/E	13.8
EPS	1,495

DT thuần

Q4/25

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▼332| -67.3%

YoY: ▼26.0| -13.7%

LN sau thuế

Q4/25

546

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 617| 867%

YoY: ▲ 530| 3294%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

352%

+/- YoY: ▲ 80.4%

DT thuần

2025

1,049

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 307| 41.4%

LN sau thuế

2025

421

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 322| 326%

ROE

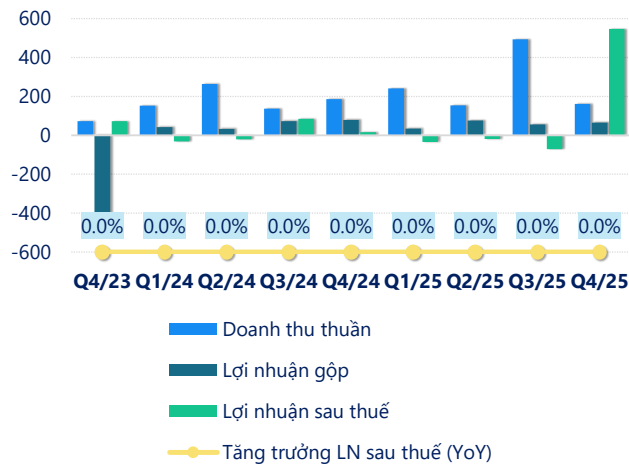
2025

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

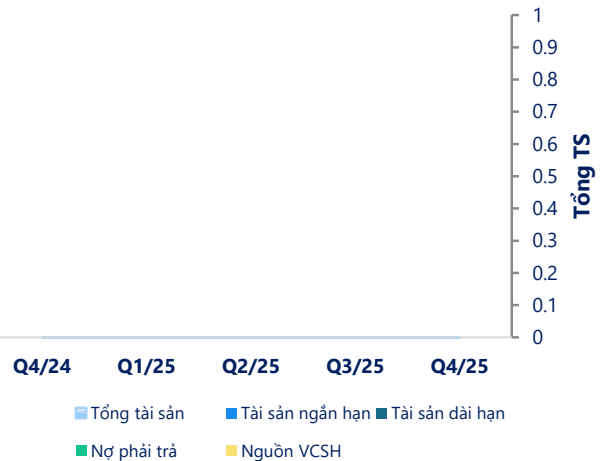
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

Q4/25
Q3/25
Q2/25
Q1/25
Q4/24


(Nguồn: fireant.vn)

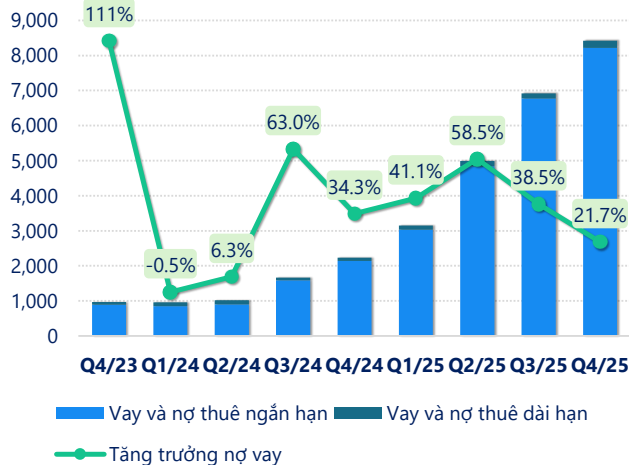
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

Q4/25
Q3/25
Q2/25
Q1/25
Q4/24


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

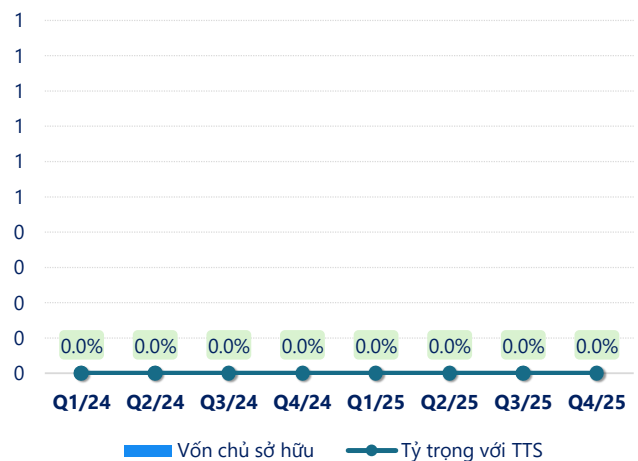
Nợ vay



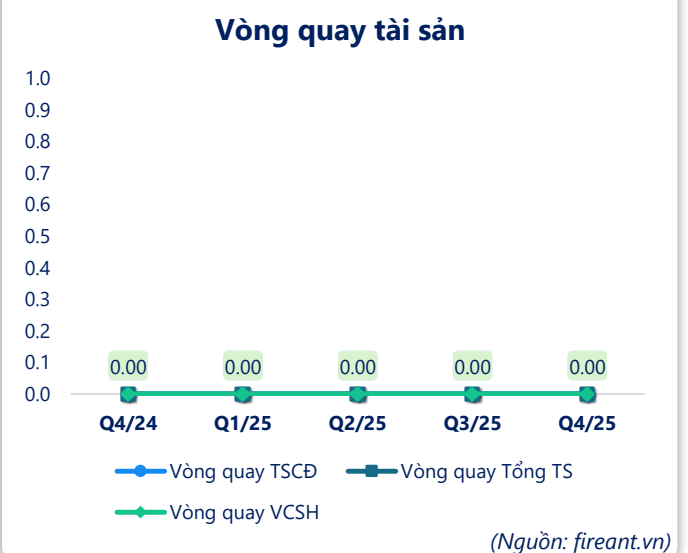
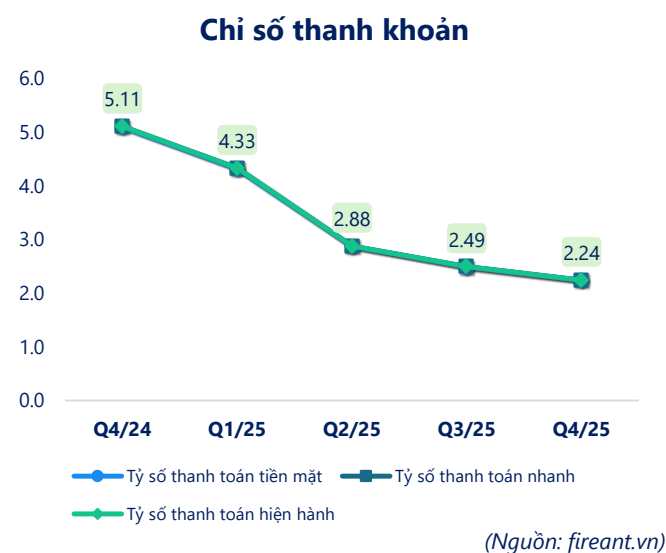
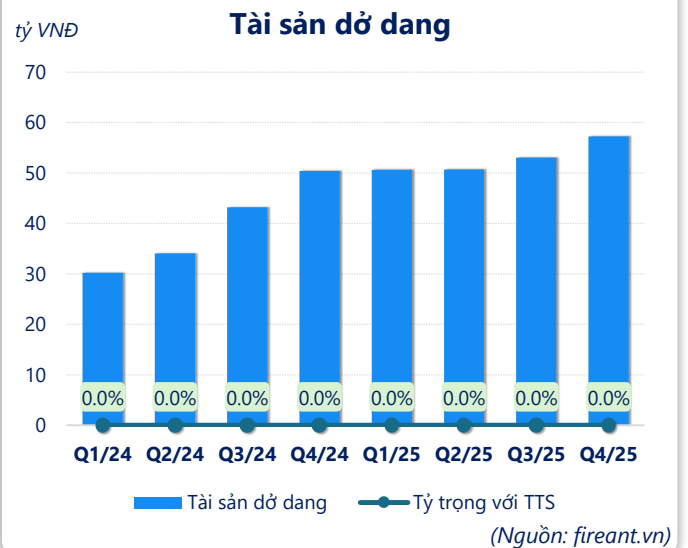
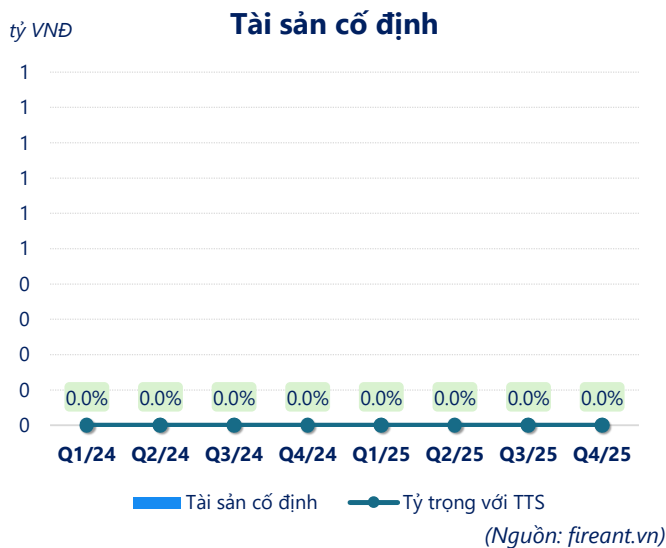
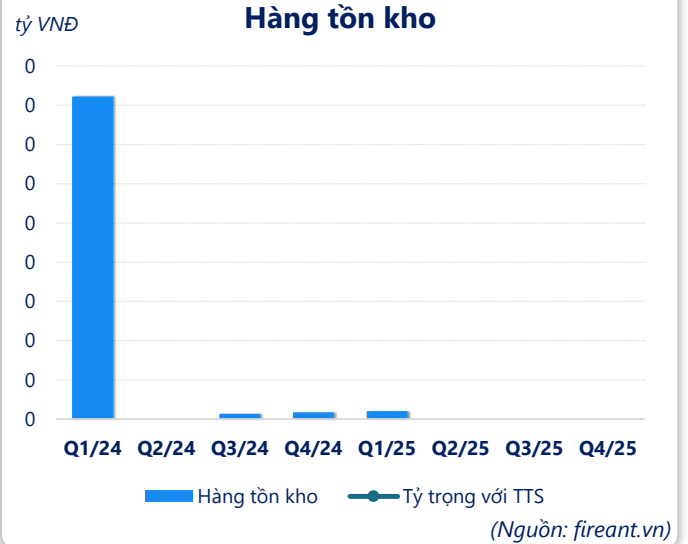
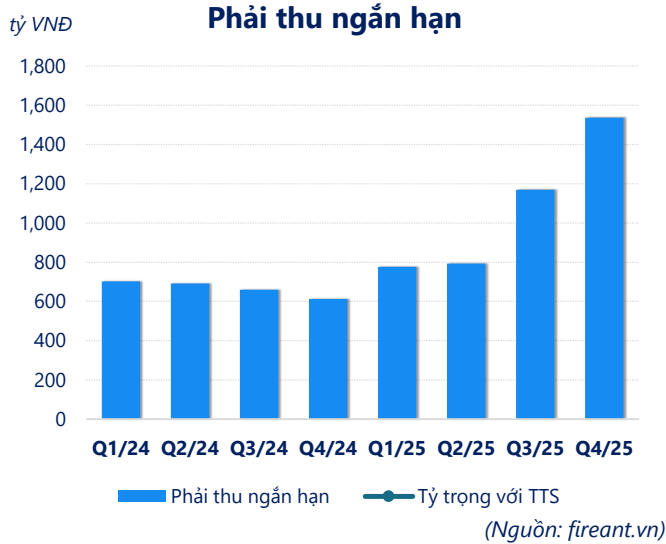
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn	13,936	15,167	17,241	20,194	22,933
Tiền và tương đương tiền	13,894	15,125	17,215	20,152	22,897
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	613	776	794	1,169	1,536
Hàng tồn kho	0.00	0.00	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	3.37	2.70	3.31	19.0	13.5
Phải thu dài hạn	0.00	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	50.4	50.6	50.7	53.0	57.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	22.8	22.8	24.9	9.35	7.76
Lợi thế thương mại	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Nợ phải trả	2,821	3,621	6,148	8,236	10,428
Nợ ngắn hạn	2,729	3,504	5,991	8,095	10,231
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,141	3,034	4,837	6,775	8,220
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	92.0	116	158	141	197
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)